

Số: **182/2019/QĐST-HNGĐ**

Nam Từ Liêm, ngày 25 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 239/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Kiều A, sinh năm 1965

HKTT và chỗ ở : P102, nhà G, chung cư T, phường T, quận N, thành phố H.

- Chị Nguyễn Thị Chúc Q, sinh năm 1974

HKTT: P102, nhà G, chung cư T, phường T, quận N, thành phố H.

Chỗ ở: P503, nhà G, chung cư T, phường T, quận N, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Kiều A và chị Nguyễn Thị Chúc Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 14/02/1994 tại Ủy ban nhân dân phường Âu Cơ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phú (nay là Ủy ban nhân dân phường Âu Cơ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 14/02/1994, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống.

Vợ chồng đã sống ly thân, không có sự quan tâm, chia sẻ và không duy trì quan hệ vợ chồng với nhau dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả hai đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cả anh Kiều A và chị Q vẫn giữ quan điểm xin ly hôn và cùng nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Xét đơn yêu cầu và các thỏa thuận khác của các đương sự:

- Về con chung: Anh Trần Kiều A và chị Nguyễn Thị Chúc Q có 02 con chung là cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 15/4/1995 và cháu Trần Đức T, sinh ngày 30/3/2006. Cháu Trần Minh Đ đã trưởng thành ở với ai là quyền của cháu. Sau khi ly hôn, anh Kiều A và chị Q thỏa thuận giao cháu T cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Kiều A tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng/tháng), kể từ tháng 6/2019 cho đến khi cháu T trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác

- Về tài sản chung: Anh Kiều A, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Kiều A, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Kiều A, chị Q mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

[3] Xét thấy anh Trần Kiều A và chị Nguyễn Thị Chúc Q thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn và cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ngày 17/6/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Kiều A và chị Nguyễn Thị Chúc Q.

- Về con chung: Anh Trần Kiều A và chị Nguyễn Thị Chúc Q có 02 con chung là cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 15/4/1995 và cháu Trần Đức T, sinh ngày 30/3/2006. Cháu Trần Minh Đ đã trưởng thành ở với ai là quyền của cháu. Giao cháu Trần Đức T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Kiều A tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng/tháng), kể từ tháng 6/2019 cho đến khi cháu T trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Kiều A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Kiều A, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Kiều A, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Kiều A và chị Nguyễn Thị Chúc Q mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai số AK/2010/0008575 ngày 17/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Anh Kiều A, chị Q đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- UBND phường Âu Cơ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ (GCNKH số 12, quyển số 02 ngày 14/02/1994);
- Lưu HS, VP.

Trần Thắng